TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 318/2018/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu, ngày 12 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 291/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Nguyễn Công T** - sinh năm 1985; Địa chỉ: đường A, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Bà **Trần Thị Kim A** - sinh năm 1983; Địa chỉ: đường C, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công T và bà Trần Thị Kim A đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 12 năm 2005 tại UBND phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống giữa ông T và bà A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hòa hợp nên ông bà đã tự sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay.

Xét thấy: Mâu thuẫn của ông T và bà A đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của ông T và bà A là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông T và bà A.

[2] Về con chung: Ông T và bà A có một con chung tên Nguyễn Trần Công T1 - sinh ngày 30 tháng 7 năm 2004. Ly hôn, ông T và bà A thỏa thuận: bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian giao tiền cấp dưỡng là vào ngày 01 hàng tháng kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con của ông T và bà A là tự nguyện, phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà A không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không đề cập đến.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công T và bà Trần Thị Kim A thuận tình ly hôn

- Về con chung: Bà Trần Thị Kim A là người trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Công T1 - sinh ngày 30 tháng 7 năm 2004.

Ông Nguyễn Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian giao tiền cấp dưỡng là vào ngày 01 hàng tháng kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Công T và bà Trần Thị Kim A chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 6509 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông T và bà A đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

<u>Nơi nhận</u>:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu;
- UBND phường B,
quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc.

Phan Thị Huệ